

Số: /KH-SYT

Bắc Giang, ngày tháng năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Tiểu dự án 2 Dự án 3: Cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang năm 2024; Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công, Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024.

Sở Y tế xây dựng Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 2 Dự án 3: Cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2024 như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ tại các Nghị quyết, Quyết định, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 tỉnh Bắc Giang phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, tiến độ, kế hoạch, quy định của Trung ương để thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo năm 2024, làm tiền đề thực hiện tốt mục tiêu, các chỉ tiêu giảm nghèo cả giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

##### 2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện các nội dung Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững phải đảm bảo đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Tài chính, HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang.

- Trung tâm Y tế các huyện, thành phố, thị xã (chủ đầu tư) phải tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn đã được giao và bảo đảm đúng trình tự, quy định của pháp luật.

#### II. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện Sơn Động.

## **2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể**

### **2.1. Đối với huyện Sơn Động**

*\* Mục tiêu 1: Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện*

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi thể trên địa bàn huyện xuống dưới 20,5%.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi thể trên địa bàn huyện xuống dưới 13,2%.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi trên địa bàn huyện xuống dưới 5%.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ học đường từ 5 đến dưới 16 tuổi sinh sống trên địa bàn huyện giảm 2% so với năm 2023.

*\* Mục tiêu 2: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú trên địa bàn huyện*

- Tối thiểu 90% trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng được bổ sung vi chất dinh dưỡng.

- Tối thiểu 90% phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động được cung cấp miễn phí vi chất dinh dưỡng từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh.

*\* Mục tiêu 3: Bảo đảm ứng phó về phòng, chống suy dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình trên địa bàn huyện*

- Tỷ lệ trẻ em từ 6 đến 23 tháng tuổi được ăn bổ sung đúng, đủ tăng từ 7% đến 10% so với năm 2023.

- Tỷ lệ hộ gia đình được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp đạt trên 80%.

### **2.2. Đối với các huyện, thành phố, thị xã khác**

Tối thiểu 90% trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được bổ sung vi chất dinh dưỡng.

## **III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG**

### **1. Hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em 0-16 tuổi**

#### **1.1. Cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi**

- Nội dung: Triển khai thực hiện các hoạt động theo hướng dẫn tại Công văn số 3598/BYT-BM-TE ngày 29/4/2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng và triển khai Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Bộ Y tế và tài liệu Hướng dẫn tư vấn dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Viện Dinh dưỡng và các văn bản hiện hành, cụ thể:

+ Tổ chức sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ em dưới 2 tuổi theo định kỳ tương ứng với từng thời điểm tiếp xúc. Theo dõi tăng trưởng của trẻ dưới 2 tuổi định kỳ 3 tháng/lần, trẻ suy dinh dưỡng dưới 2 tuổi hàng tháng.

+ Tư vấn dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ dưới 2 tuổi về dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời.

- Địa bàn triển khai thực hiện:

+ Huyện Sơn Động: Thực hiện các hoạt động tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi.

+ Các địa phương khác: Thực hiện tư vấn cho bà mẹ có con nhỏ dưới 2 tuổi.

## **1.2. Bổ sung vi chất dinh dưỡng**

*1.2.1. Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em từ 6 tháng đến 59 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi*

- Nội dung: Bổ sung vi chất dinh dưỡng (thành phần phải có tối thiểu 3 vi chất: Vitamin A 300µg - 400µg; Sắt 7,1mg - 14,3mg; Kẽm 2,3mg - 7mg): Bổ sung 1 ngày 1 liều, 60 đến 90 liều/trẻ suy dinh dưỡng/đợt x 2 đợt/năm, cách nhau tối thiểu 3 tháng, tổng số liều 120 - 180 liều/trẻ/năm. Kết hợp tư vấn, hướng dẫn sử dụng tại hộ gia đình. Theo dõi, giám sát và báo cáo định kỳ theo quy định.

- Dự kiến số trẻ được bổ sung vi chất dinh dưỡng là 1.709 trẻ, trong đó:

+ Huyện Sơn Động: 348 trẻ (bao gồm tất cả trẻ em từ 6 đến 59 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi trên địa bàn).

+ Các địa phương khác: 1.361 trẻ (trẻ em từ 6 đến dưới 59 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo).

*1.2.2. Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 16 tuổi bị suy dinh dưỡng*

- Nội dung: Bổ sung vi chất dinh dưỡng (thành phần phải có tối thiểu 3 vi chất: Vitamin A 300µg - 500µg; Sắt 12,5mg - 35,6mg; Kẽm 4,5mg - 12mg): Bổ sung 1 ngày 1 liều, 60 đến 90 liều/trẻ suy dinh dưỡng/đợt x 2 đợt/năm, cách nhau tối thiểu 3 tháng, tổng số liều 120 - 180 liều/trẻ/năm. Kết hợp tư vấn, hướng dẫn sử dụng tại hộ gia đình. Theo dõi, giám sát chặt chẽ theo quy định.

- Dự kiến số trẻ được bổ sung vi chất dinh dưỡng là 3.611 trẻ, trong đó:

+ Huyện Sơn Động: 180 trẻ (bao gồm tất cả trẻ em từ 5 tuổi đến 16 tuổi bị suy dinh dưỡng trên địa bàn).

+ Các địa phương khác: 3.431 trẻ (trẻ em từ 5 tuổi đến 16 tuổi bị suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo).

*1.2.3. Bổ sung vi chất sắt cho trẻ em gái vị thành niên từ 12 đến dưới 16 tuổi có kinh nguyệt*

- Nội dung: Bổ sung vi chất sắt (thành phần phải có hàm lượng sắt từ 55mg đến 65mg): Bổ sung 1 lần 1 tuần, 15 liều x 2 đợt/năm, cách nhau 3 tháng, tổng số liều 30 liều/trẻ/năm.

- Dự kiến số trẻ được bổ sung vi chất sắt là: 3.553 trẻ, trong đó:

+ Huyện Sơn Động: 500 trẻ (bao gồm tất cả trẻ em gái vị thành niên từ 12 đến dưới 16 tuổi có kinh nguyệt trên địa bàn).

+ Các địa phương khác: 3.052 trẻ (trẻ em gái vị thành niên từ 12 đến dưới 16 tuổi có kinh nguyệt thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo).

#### *1.2.4. Bổ sung vitamin A cho trẻ từ 6 tháng đến 59 tháng tuổi*

Thực hiện theo mục 1.2.2.1 tại Hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 3452/QĐ-BYT, ngày 06/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

#### *1.2.5. Bổ sung vi chất cho phụ nữ mang thai*

- Nội dung: Bổ sung các vi chất dinh dưỡng hàng ngày (thành phần phải có tối thiểu 3 vi chất: Vitamin A 700µg - 800µg; Sắt 30mg - 44,4mg; Kẽm 15mg - 20mg) hoặc vi chất sắt/folic hàng ngày (thành phần: Sắt 30mg - 60mg). Uống bổ sung 1 ngày 1 liều, uống hàng ngày từ khi phát hiện đến 1 tháng sau sinh. Kết hợp tư vấn, hướng dẫn sử dụng tại hộ gia đình. Theo dõi, giám sát chặt chẽ theo quy định.

- Địa bàn thực hiện: Huyện Sơn Động, dự kiến bổ sung vi chất dinh dưỡng cho 1.178 phụ nữ mang thai.

### ***1.3. Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng***

- Đối tượng: Trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi được chẩn đoán suy dinh dưỡng cấp tính nặng.

- Các hoạt động: Tổ chức khám sàng lọc để phát hiện trẻ và đưa vào chương trình; quản lý và điều trị trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng tại cộng đồng; tổ chức mua, quản lý cấp phát và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế; tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ/người chăm sóc và thăm hộ gia đình theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Quyết định số 4487/QĐ-BYT ngày 18/8/2016 ban hành Hướng dẫn chẩn đoán về điều trị bệnh suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi và Quyết định số 3779/QĐ-BYT ngày 26/8/2019 ban hành Hướng dẫn thực hiện quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi.

- Năm 2024, dự kiến theo dõi và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng cho 11 trẻ tại huyện Sơn Động và điều trị suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng cho 03 trẻ tại huyện Lục Ngạn.

### ***1.4. Tẩy giun định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ chuẩn bị mang thai***

- Nội dung: Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 6437/QĐ-BYT, ngày 25/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn tẩy giun đường ruột tại cộng đồng.

- Địa bàn thực hiện:

+ 10 huyện, thành phố, thị xã: Thực hiện tẩy giun cho trẻ từ 2 đến dưới 6 tuổi theo các đợt chiến dịch từ nguồn thuốc tẩy giun được Bộ Y tế cấp.

+ Riêng huyện Sơn Động: Thực hiện mua thuốc tẩy giun định kỳ cho phụ nữ tuổi sinh đẻ chuẩn bị mang thai, dự kiến 14.500 người.

***1.5. Lập kế hoạch và dự trữ nguồn sản phẩm dinh dưỡng cho việc ứng phó với ảnh hưởng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh đối với việc chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em***

- Địa bàn thực hiện: Huyện Sơn Động.

- Số lượng sản phẩm dinh dưỡng: Theo nhu cầu thực tế của địa phương.

- Thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật chuẩn bị và ứng phó về dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp và các hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

- Có kế hoạch sử dụng các trang thiết bị, vật tư, thuốc, sản phẩm dinh dưỡng nếu không có tình huống khẩn cấp xảy ra một cách phù hợp, hiệu quả, tránh lãng phí.

***1.6. Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung hợp lý thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp như thảo luận nhóm, hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ em cho đối tượng là phụ nữ có thai và bà mẹ/người chăm sóc trẻ dưới 2 tuổi tại trạm y tế xã, phường, thị trấn, thôn bản***

- Nội dung: Thực hiện theo Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và Công văn số 3598/BYT-BM-TE ngày 29/4/2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng và triển khai Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời; và các hướng dẫn khác của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế và các hướng dẫn khác của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

- Địa bàn thực hiện:

+ Huyện Sơn Động: Thực hiện đầy đủ các nội dung chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú.

+ Các địa phương khác: Chỉ thực hiện cho bà mẹ có con nhỏ.

***1.7. Tổ chức thực hiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho học sinh***

- Chỉ thực hiện tại huyện Sơn Động.

- Thực hiện theo các hướng dẫn chuyên môn hiện hành của ngành y tế và giáo dục.

- Trung tâm Y tế Sơn Động phối hợp với Phòng Giáo dục, lập kế hoạch, tập huấn cho các cán bộ triển khai dự án về tổ chức bữa ăn học đường, các kiến thức và kỹ năng giáo dục dinh dưỡng học đường, đẩy mạnh chất lượng giáo dục dinh dưỡng chính khóa và các hình thức ngoại khóa phù hợp với điều kiện địa phương. Cán bộ y tế có vai trò tham gia hướng dẫn chuyên môn và giám sát hoạt động cho các trường học triển khai bữa ăn bán trú và công tác giáo dục dinh dưỡng trong trường học, phối hợp với giáo dục dinh dưỡng tại gia đình. Triển khai các mô hình tạo nguồn thực phẩm tại chỗ ở địa phương thông qua kết hợp với các dự án thành phần khác của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

***1.8. Tư vấn dinh dưỡng về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học***

- Thực hiện theo các hướng dẫn hiện hành của ngành y tế và giáo dục (Thông tư 23/2017/TT-BYT, ngày 15/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em; tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em; Tài liệu hướng dẫn công tác y tế trường học ban hành theo Quyết định 3822/QĐ-BGDĐT, ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản cập nhật nếu có).

- Trung tâm Y tế phối hợp với Phòng Giáo dục lập kế hoạch và tập huấn cho cán bộ triển khai dự án về dinh dưỡng và hoạt động thể lực hợp lý, các kiến thức và kỹ năng cần thiết để triển khai hoạt động. Ngành y tế tham gia với vai trò hướng dẫn chuyên môn và giám sát hoạt động. Các cơ sở giáo dục tổ chức các hình thức tư vấn phù hợp, lồng ghép với chăm sóc y tế học đường. Tạo điều kiện cơ sở vật chất để học sinh có thể thực hành dinh dưỡng và thể lực hợp lý.

- Đối tượng thực hiện:

+ Huyện Sơn Động: Thực hiện cho các đối tượng trong độ tuổi học đường tại trường học.

+ Các địa phương khác: Chỉ thực hiện trên đối tượng trong độ tuổi học đường tại trường học thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

***1.9. Tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng hằng năm và định kỳ theo kế hoạch của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em dưới 16 tuổi và phụ nữ mang thai trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động***

- Thực hiện theo hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế (tùy theo thực tế, có thể bao gồm: cân đo nhân trắc, xét nghiệm máu, phỏng vấn khẩu phần, chế độ ăn, thói quen tiêu thụ thực phẩm, phỏng vấn thông tin nhân khẩu học, tiền sử nuôi dưỡng, tiền sử bệnh tật, phỏng vấn về thực hành dinh dưỡng và các yếu tố nguy cơ...). Đối tượng phỏng vấn bao gồm cả đối tượng thụ hưởng chương trình và các đối tượng có tham gia chương trình hoặc ảnh hưởng đến đối tượng thụ hưởng.

- Đối tượng thực hiện:

+ Huyện Sơn Động: Trẻ em dưới 16 tuổi và phụ nữ mang thai trên địa bàn.

+ Các địa phương khác: Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

**1.10. Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cho cơ sở y tế huyện, xã, thôn bản và trường học, cung cấp các dụng cụ thực hành dinh dưỡng, vật tư y tế, tài liệu truyền thông, tài liệu chuyên môn để triển khai các hoạt động theo dõi, giám sát tình trạng dinh dưỡng và can thiệp tại cộng đồng**

Các đơn vị rà soát lại hiện trạng trang thiết bị phục vụ công tác đánh giá tình trạng dinh dưỡng để thực hiện mua sắm bổ sung, cấp phát kịp thời.

**1.11. Tổ chức hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản, y tế trường học, giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em**

- Hướng dẫn, tập huấn, cập nhật kiến thức cho cán bộ dinh dưỡng tuyến xã và thôn bản về công tác triển khai và các kỹ thuật chuyên môn triển khai hoạt động về dinh dưỡng.

- Hướng dẫn, tập huấn cho y tế trường học và giáo viên trường học tại các tuyến về hướng dẫn hỗ trợ triển khai hoạt động về dinh dưỡng tại trường học.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản, y tế trường học, giáo viên, cán bộ giảm nghèo, cán bộ nông nghiệp, phụ nữ về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng phụ nữ, trẻ em từ 0 đến dưới 16 tuổi.

## **2. Hoạt động về truyền thông dinh dưỡng**

- Xây dựng, biên tập các nội dung truyền thông hoặc sử dụng các tài liệu truyền thông do Trung ương cấp để truyền thông tại cộng đồng. Nhân bản, phát sóng, phát hành nội dung truyền thông bằng nhiều hình thức và nhiều kênh truyền thông, bao gồm truyền thông đại chúng, loa đài, báo giấy, tờ rơi, pano, áp phích, khẩu hiệu, tháp dinh dưỡng, đoạn băng hình, internet-mạng xã hội, phần mềm công nghệ số... Nội dung truyền thông về dinh dưỡng hợp lý; phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng; chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời; phòng chống giun sán...

- Tổ chức các chiến dịch, lễ phát động, các buổi truyền thông trong Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày Vi chất dinh dưỡng, ngày tiêm chủng theo điều kiện và kế hoạch của địa phương và dựa trên các công văn hướng dẫn của Bộ Y tế hằng năm.

- Tăng cường truyền thông các thông điệp về chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú, các nội dung về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời trên hệ thống truyền thanh xã, phường, thôn, bản. Tăng cường

truyền thông trực tiếp thông qua các buổi hướng dẫn thực hành dinh dưỡng tại Trạm y tế xã, phường, thị trấn, thôn, bản...

### **3. Hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá**

- Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát, khảo sát và đánh giá thực hiện Chương trình theo Thông tư 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Đơn vị tuyến tỉnh, huyện theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động dinh dưỡng tuyến xã, phường và thôn, bản. Thực hiện giám sát theo kế hoạch hàng năm.

- Lập kế hoạch thu thập thông tin để khảo sát, đánh giá; tổ chức giám sát, đánh giá kết quả hoạt động hàng năm.

- Theo dõi và báo cáo các chỉ số giám sát quá trình triển khai hoạt động cho Sở Y tế, Viện Dinh dưỡng - Bộ Y tế.

- Báo cáo về nguồn vốn được tiếp nhận, huy động các nguồn vốn hợp pháp và sử dụng cho chương trình.

### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Tổng kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2 Dự án 3 Cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 là: **8.459 triệu đồng**. Trong đó:

- Kinh phí cấp năm 2024 là: 6.510 triệu đồng.

- Kinh phí năm 2023 chuyển sang là: 1.949 triệu đồng.

*(Chỉ tiêu hoạt động và kinh phí chi tiết tại Phụ lục số IA, IB, II và III).*

### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế**

- Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát các đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ báo cáo kết quả triển khai Chương trình về UBND tỉnh và Bộ Y tế.

- Phân bổ kinh phí của Chương trình, lồng ghép kinh phí các chương trình, dự án, đề án để triển khai các nội dung hoạt động của Kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị sử dụng kinh phí hiệu quả.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá tiến độ thực hiện Tiểu dự án tại Trung tâm Y tế các huyện thành phố theo quy định.

#### **2. Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế**

Phối hợp với phòng Kế hoạch - Tài chính, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh chỉ đạo Trung tâm Y tế các huyện, thành phố triển khai thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Y tế và UBND tỉnh.

#### **3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh**

- Đầu mối phối hợp với Trung tâm Y tế các huyện, thành phố triển khai,



thực hiện các hoạt động theo nội dung kế hoạch; giám sát, hỗ trợ các đơn vị trong quá trình triển khai đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả, tiến độ triển khai thực hiện kế hoạch của toàn tỉnh về Sở Y tế trước ngày 30/11 hàng năm.

#### **4. Trung tâm Y tế các huyện, thành phố, thị xã**

- Trên cơ sở kế hoạch này, Trung tâm Y tế các huyện, thành phố, thị xã chủ động xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tại địa phương năm 2024 đảm bảo hoàn thành mục tiêu và tiến độ giải ngân.

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí được giao theo quy định tại Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh trong việc triển khai các hoạt động chuyên môn của dự án; kịp thời báo cáo những khó khăn vướng mắc và đề xuất các giải pháp khắc phục trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát các trạm y tế trên địa bàn tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả.

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn huyện, thành phố về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trước ngày 20/11 hàng năm để tổng hợp.

#### **5. Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi**

- Tổ chức các hoạt động khám, tư vấn chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời đối với phụ nữ có thai đến khám, phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế.

- Quản lý, điều trị những trường hợp trẻ suy dinh dưỡng cấp tính nặng; tăng cường công tác tư vấn cho cha/mẹ cách chăm sóc dinh dưỡng khi trẻ ốm.

- Báo cáo kết quả triển khai về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trước ngày 20/11 hàng năm.

Sở Y tế đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội;
- UBND các huyện, thành phố (p/h);
- Các phòng thuộc Sở;
- TTYT các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh;
- Bệnh viện sản Nhi;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Từ Quốc Hiệu**

**Phụ lục I-A**

**Chỉ tiêu hoạt động hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024**  
**(Huyện Sơn Động)**

STT	Tên huyện, thành phố	Số hộ nghèo quản lý	Số trẻ em dưới 5 tuổi	Số trẻ từ 5 đến 16 tuổi	Số phụ nữ có thai	Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo						Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc cho trẻ lứa tuổi học đường (từ 5 đến dưới 16 tuổi)				Số trẻ em gái vị thành niên từ 12 đến dưới 16 tuổi có kinh nguyệt được bổ sung vi chất sắt
						Số trẻ <5 tuổi được bổ sung vi chất dinh dưỡng	Trong đó: Số trẻ em gái	Số phụ nữ có thai được bổ sung vi chất dinh dưỡng	Số bà mẹ có con dưới 5 tuổi và bà mẹ mang thai được tư vấn dinh dưỡng	Số trẻ được theo dõi và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng	Trong đó số trẻ em gái	Số trẻ em được tư vấn dinh dưỡng	Trong đó số trẻ em gái	Số trẻ em suy dinh dưỡng được bổ sung vi chất dinh dưỡng	Trong đó số trẻ em gái	
1	Sơn Động	3.286	8.140	14.700	1.354	348	165	1.178	1.178	11	6	14.500	681	180	98	500

## Phụ lục I-B

### Chỉ tiêu hoạt động hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 (Các huyện, thành phố, thị xã khác)

STT	Tên huyện, thành phố	Số hộ nghèo quản lý	Số trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo	Số trẻ từ 5 đến 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo	Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo và hộ mới thoát nghèo					Tư vấn, can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo và mới thoát nghèo				Số trẻ em gái vị thành niên từ 12 đến dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có kinh nguyệt được bổ sung vi chất sắt
					Số trẻ <5 tuổi được bổ sung vi chất dinh dưỡng	Trong đó: Số trẻ em gái	Số bà mẹ có con dưới 5 tuổi được tư vấn dinh dưỡng	Số trẻ được theo dõi và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng	Trong đó số trẻ em gái	Số trẻ em được tư vấn dinh dưỡng	Trong đó số trẻ em gái	Số trẻ suy dinh dưỡng được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng	Trong đó số trẻ em gái	
	<b>Tổng</b>	<b>16.287</b>	<b>5.163</b>	<b>19.873</b>	<b>1.361</b>	<b>675</b>	<b>803</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>3.937</b>	<b>2.122</b>	<b>3.431</b>	<b>1.779</b>	<b>3.053</b>
1	Lục Ngạn	6.331	1.987	6.223	313	174	200	3	1	830	412	830	412	1.350
2	Lục Nam	1.881	940	3.560	200	84	0	0	0	0	0	600	296	390
3	Lạng Giang	1.025	334	1.282	117	55	0	0	0	0	0	280	141	283
4	Yên Thế	876	360	1710	90	44	33	0	0	0	0	310	159	200
5	Tân Yên	1.100	602	2.148	262	139	262	0	0	2.148	1.138	330	163	244
6	Hiệp Hòa	3.885	560	2.866	133	60	152	0	0	503	281	393	175	381
7	Việt Yên	520	155	1.055	90	47	0	0	0	0	0	232	145	126
8	Yên Dũng	484	207	791	138	63	138	0	0	218	115	218	112	79
9	TP Bắc Giang	185	18	238	18	9	18	0	0	238	176	238	176	

**Phụ lục II**

**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 2 DỰ ÁN 3 NĂM 2024**

*Đơn vị tính: Đồng.*

STT	Tên đơn vị	Tổng kinh phí thực hiện năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Vốn giao năm 2024	Vốn năm 2023 chuyển sang	
1	TTYT huyện Sơn Động	<b>1.624.718.350</b>	1.253.000.000	371.718.350	Số vốn năm 2023 do đơn vị đối chiếu, làm thủ tục tại kho bạc nhà nước để chuyển nguồn sang năm 2024; tổng số vốn giao 2024 là tổng vốn chuyển nguồn từ 2023 và vốn giao 2024 (theo QĐ số 1401/QĐ-UBND)
2	TTYT huyện Lục Ngạn	<b>2.192.378.592</b>	1.358.000.000	834.378.592	
3	TTYT huyện Lục Nam	<b>1.376.071.950</b>	1.023.000.000	353.071.950	
4	TTYT huyện Lạng Giang	<b>490.012.000</b>	439.000.000	51.012.000	
5	TTYT huyện Yên Thế	<b>680.447.600</b>	609.000.000	71.447.600	
6	TTYT huyện Tân Yên	<b>442.390.000</b>	394.000.000	48.390.000	
7	TTYT thị xã Việt Yên	<b>362.260.000</b>	304.000.000	58.260.000	
8	TTYT huyện Yên Dũng	<b>399.786.748</b>	322.000.000	77.786.748	
9	TTYT huyện Hiệp Hòa	<b>574.686.700</b>	522.000.000	52.686.700	
10	TTYT TP Bắc Giang	<b>316.240.000</b>	286.000.000	30.240.000	
	<b>Tổng</b>	<b>8.458.991.940</b>	<b>6.510.000.000</b>	<b>1.948.991.940</b>	

**Phụ lục III**

**TỔNG HỢP CHI TIẾT KINH PHÍ CÁC HOẠT ĐỘNG TIÊU DỰ ÁN 2 DỰ ÁN 3 CẢI THIỆN DINH DƯỠNG  
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024**

*Đơn vị tính: Đồng*

TT	Nội dung hoạt động	TTYT huyện Sơn Động	TTYT huyện Lục Ngạn	TTYT huyện Lục Nam	TTYT huyện Lạng Giang	TTYT huyện Yên Thế	TTYT huyện Tân Yên	TTYT thị xã Việt Yên	TTYT huyện Yên Dũng	TTYT huyện Hiệp Hòa	TTYT TP Bắc Giang	Tổng
<b>1</b>	<b>Hoạt động chuyên môn</b> (Đào tạo, tập huấn; truyền thông; thực hành dinh dưỡng; cân đo nhân trắc đánh giá tình trạng suy dinh dưỡng trẻ từ 0 đến dưới 16 tuổi; lập hồ sơ theo dõi trẻ suy dinh dưỡng cấp tính nặng tại cộng đồng,...)	711.770.000	117.583.500	70.680.000	20.261.000	114.362.000	34.875.000	15.528.000	13.027.300	44.130.400	25.360.000	<b>1.167.577.200</b>
<b>2</b>	<b>Hoạt động mua sắm</b>	<b>912.948.350</b>	<b>2.074.795.092</b>	<b>1.305.391.950</b>	<b>469.751.000</b>	<b>566.085.600</b>	<b>407.515.000</b>	<b>346.732.000</b>	<b>386.759.448</b>	<b>530.556.300</b>	<b>290.880.000</b>	<b>7.291.414.740</b>
2.1	Mua vi chất sắt cho trẻ em gái vị thành niên từ 12- dưới 16 tuổi đã có kinh nguyệt	15.000.000	81.000.000	5.428.000	3.396.000	9.000.000	2.928.000	1.512.000	2.370.000	8.190.000		<b>128.824.000</b>
2.2	Mua vi chất dinh dưỡng cho trẻ từ 6 tháng đến 59 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi	255.960.000	338.040.000	149.580.000	63.180.000	59.400.000	141.480.000	48.600.000	74.520.000	54.000.000	9.720.000	<b>1.194.480.000</b>
2.3	Mua vi chất dinh dưỡng cho trẻ từ 5 tuổi đến dưới 16 tuổi bị suy dinh dưỡng	183.600.000	896.400.000	447.240.000	151.200.000	351.000.000	178.200.000	125.280.000	114.750.000	213.840.000	104.400.000	<b>2.765.910.000</b>
2.4	Mua thuốc tây giun định kỳ cho phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ trên địa bàn huyện Sơn Động	145.000.000										<b>145.000.000</b>
2.5	Mua chế phẩm RUTF để điều trị trẻ suy dinh dưỡng cấp tính nặng		15.750.000									<b>15.750.000</b>
2.6	Mua sắm trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho các đối tượng thuộc chương trình	186.500.000	340.900.000	372.360.000	198.660.000	105.245.270	56.657.000	115.200.000	130.800.000	204.990.000	132.000.000	<b>1.843.312.270</b>
2.7	In ấn tài liệu chuyên môn, tài liệu truyền thông dinh dưỡng theo mẫu của Viện Dinh dưỡng cấp	73.630.000	362.705.000	285.300.000	33.315.000	21.440.000	8.250.000	40.140.000	49.242.800	29.710.000	30.885.000	<b>934.617.800</b>
2.8	Chi phí hoạt động đấu thầu	53.258.350	40.000.092	45.483.950	20.000.000	20.000.330	20.000.000	16.000.000	15.076.648	19.826.300	13.875.000	<b>263.520.670</b>
	<b>Tổng</b>	<b>1.624.718.350</b>	<b>2.192.378.592</b>	<b>1.376.071.950</b>	<b>490.012.000</b>	<b>680.447.600</b>	<b>442.390.000</b>	<b>362.260.000</b>	<b>399.786.748</b>	<b>574.686.700</b>	<b>316.240.000</b>	<b>8.458.991.940</b>